

Cáp thông tin treo Aerial Telephone Cable



Giới thiệu / Introduction

- Treo giữa các cột / Hang between pillars
- Nối từ tổng đài nội hạt hoặc từ bộ tập trung thuê bao đến hộp đấu dây thuộc địa phận khách hàng.
Used for connection from local telephone exchange or subscriber central.
- Bọc cách điện sản xuất trên dây chuyển tự động / SACOM's cables are automatically manufactured.
- Tiêu chuẩn: REA – PE 89 (USA), TCVN 8238 – 2009 / Standard: REA – PE 89 (USA), TCVN 8238 – 2009 (Viet Nam).
- Cỡ dây dẫn: 0,4mm; 0,5mm; 0,65mm; 0,9mm / Conductor size: 0.4mm, 0.5mm, 0.65mm, 0.9mm.
- Dung lượng cáp: từ 1 đôi đến 300 đôi / Cable capacity: 1 to 300 pair.

Cấu trúc / Structure



Tiêu chuẩn kỹ thuật / Specification:

Kích thước dây dẫn Conductor size (mm)	Điện trở dây dẫn Conductor Resistance (Ω /km)		Điện dung Average Mutual Capacitance (nF/km)		Điện trở mất cân bằng Conductor Resistance Unbalance (%)		Điện trở cách điện Conductor Insulation Resistance (M Ω /km)	Suy hao truyền dẫn Attenuation loss (dB/km)			Điện áp đánh thủng Dielectric strength
	M/Aver	M/Ex	M/Aver	M/Ex	M/Aver	M/Ex		1 KHz	150 KHz	772 KHz	
0,4 $\pm$ 0,01	$\leq$ 139,0	$\leq$ 147,0	$\leq$ 52 $\pm$ 2	$\leq$ 57	$\leq$ 2,0	$\leq$ 5,0	$\geq$ 15.000	$\leq$ 1,85	$\leq$ 12,3	$\leq$ 23,6	$\geq$ 5
0,5 $\pm$ 0,01	$\leq$ 88,7	$\leq$ 93,5	$\leq$ 52 $\pm$ 2	$\leq$ 57	$\leq$ 1,5	$\leq$ 5,0	$\geq$ 15.000	$\leq$ 1,44	$\leq$ 8,9	$\leq$ 19,8	$\geq$ 5
0,65 $\pm$ 0,02	$\leq$ 52,5	$\leq$ 56,5	$\leq$ 52 $\pm$ 2	$\leq$ 57	$\leq$ 1,5	$\leq$ 4,0	$\geq$ 15.000	$\leq$ 1,13	$\leq$ 6,0	$\leq$ 13,9	$\geq$ 5
0,9 $\pm$ 0,02	$\leq$ 27,4	$\leq$ 29,0	$\leq$ 52 $\pm$ 2	$\leq$ 57	$\leq$ 1,5	$\leq$ 4,0	$\geq$ 15.000	$\leq$ 0,82	$\leq$ 5,4	$\leq$ 12,0	$\geq$ 5

Đặc tính cơ lý / Physical and mechanical requirements:

1	Cường độ lực kéo đứt của dây dẫn / Tensile strength of conductor	Kgf/mm ²	$\geq$ 20
2	Độ giãn dài của vỏ bọc dây dẫn / Elongation at break of insulation	%	$\geq$ 300
3	Cường độ lực kéo đứt của vỏ bọc dây dẫn / Tensile strength of insulation	Kgf/mm ²	$\geq$ 1,05
4	Độ giãn dài của vỏ bọc cáp / Elongation at break of sheath	%	$\geq$ 400
5	Cường độ lực kéo đứt của vỏ bọc cáp / Tensile strength of sheath	Kgf/mm ²	$\geq$ 1,2
6	Độ giãn dài của sợi thép / Elongation at break of steel wire	%	$\geq$ 1,2
7	Cường độ lực kéo đứt của sợi thép / Tensile strength of steel wire	Kgf/mm ²	$\geq$ 1320
8	Khối lượng mạ kẽm của sợi thép / Zinc coating of each wire	g/m ²	$\geq$ 70